

Bản án số: 60/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 9 năm 2022

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Nhàn;

2, Ông Lương Ngọc Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Trần Trung K, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 14, Tổ 2B, phường Th, quận H, thành phố Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1977; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là anh Trần Trung K trình bày:** Anh và chị Ng lấy nhau là tự nguyện có được tự do tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, vợ chồng anh có đăng ký kết hôn, đăng ký tại UBND phường Th, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 24/5/2013, sau khi cưới vợ chồng chung sống riêng tại Hà Nội, thuê nhà, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc. Trước khi cưới chị Ng bán hàng tại Hải Phòng, còn anh lái xe chở hàng xuống Hải Phòng giao hàng, tìm hiểu nhau được khoảng 8 tháng thì

anh chị kết hôn, khi kết hôn về chị Ng không bán hàng ở Hải Phòng, chỉ một mình anh đi làm. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, được khoảng 3 đến 4 tháng thì mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị Ng không có việc làm ổn định, cuộc sống vợ chồng mới cưới kinh tế còn khó khăn, trước khi đăng ký kết hôn chị Ng đã có bầu được khoảng 8 tháng, vì vậy khi chị Ng sinh con được một tháng chị Ng xin phép được về nhà bố mẹ đẻ chị Ng ở tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang chơi. Từ đó chị Ng không về ở cùng anh tại Hà Nội, hàng tuần anh về Bắc Giang thăm con và chị Ng. Tháng 2 năm 2017, chị Ng và con anh đi đâu anh không biết, lúc đầu anh và chị Ng vẫn liên lạc điện thoại, anh hỏi chị Ng ở đâu thì chị Ng không nói cho anh địa chỉ đến tháng 4 năm 2017, anh không liên lạc được với chị Ng, chỉ liên lạc được qua chị vợ, sau đó thì anh không liên lạc được. Nay anh cũng không biết chị Ng và con anh ở địa chỉ cụ thể như thế nào. Hiện tại gia đình chị Ng có anh Trai chị Ng đang sinh sống trên đất của bố mẹ chị Ng ở, anh có hỏi địa chỉ nhiều lần nhưng anh trai chị Ng cũng không biết. Nhiều năm nay anh đi tìm chị Ng và con nhưng gia đình chị Ng cố tình giấu địa chỉ của chị Ng không cung cấp cho anh biết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ng.

+ Về con chung: Anh và chị Ng có 01 con chung là cháu Trần Hà Ph, sinh ngày 01/7/2013, hiện cháu Ph sống cùng chị Ng. Khi ly hôn anh không yêu cầu giải quyết về con chung vì hiện tại anh cũng không biết là cháu Ph như thế nào. Khi nào anh có được tin tức của cháu Ph thì anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung sau.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì, anh không có yêu cầu gì.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ

- Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Ng do anh Nguyễn Văn S là anh trai chị Ng nhận thay nhưng chị Ng không đến Tòa án để cung cấp quan điểm và hòa giải.

*** Tài liệu Tòa án thu thập được:**

+ Tại biên bản xác minh ông Thân Mạnh C - Phó Công an thị trấn Tân an, huyện Yên Dũng cung cấp như sau: Sau khi kiểm tra rà soát sổ đăng ký hộ khẩu thường trú của tổ dân phố H, xã T(nay là thị trấn T), huyện Yên Dũng, tại quyển sổ 01 năm 2006, tờ 76 thể hiện: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1997, có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang là chủ

hộ, có con là Trần Trí M, sinh năm 1995 và con là Trần Hà Ph, sinh ngày 01/7/2013, ngoài ra trong sổ hộ khẩu không có tên ai khác. Chị Nguyễn Thị Ng có sổ chứng minh nhân dân 122018346. Hiện nay chị Ng và hai con không có mặt tại địa phương, chị Ng đi đâu không rõ địa chỉ. Chị Ng không làm thủ tục cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác. Hiện nay chị Ng vẫn có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

+ Tại biên bản xác minh anh Nguyễn Văn S là anh ruột chị Ng cung cấp: Anh là anh trai ruột chị Ng, chị Ng đi trung Quốc nhiều năm nay, trước khi kết hôn với anh K, chị Ng đã có chồng ở Trung Quốc, sau khi chồng chết chị Ng về Việt Nam và kết hôn với anh Trần Trung K, chị Ng có một con chung với chồng cũ là cháu Trần Trí M.

Năm 2013 chị Ng kết hôn với anh Trần trung K, gia đình anh có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, chị Ng, anh K có đăng ký kết hôn tại phường Th, quận hai Bà trung, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn chị Ng và anh K chung sống ở nhà anh K tại Hà Nội được 3 đến 4 tháng, sau đó chị Ng về quê ở tại tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Ng và anh K là do anh K có sử dụng ma túy đá, thỉnh thoảng anh K có đập phá và lấy đồ đạc gia đình đi bán, do chị Ng không chịu đựng được, chị Ng về ở cùng với bố. Chị Ng đi làm ăn ở đâu địa chỉ cụ thể như thế nào, anh không rõ, chị Ng có về thăm anh. Nay anh K làm đơn xin ly hôn chị Ng, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết cho anh K được ly hôn với chị Ng vì chị Ng và anh K không chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay. Về con chung, chị Ng và anh K có một con chung là cháu Trần Hà Ph, sinh ngày 01/7/2013, hiện nay cháu phượng đang sống cùng với chị Ngân, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định về con chung.

+ Tại biên bản xác minh ông Chu Văn H - là tổ trưởng tổ dân phố H, thị trấn T, trình bày: Chị Nguyễn Thị Ng là công dân có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đại phương được biết năm 2013, chị Ngân có kết hôn với anh K, chị Ng có ở nhà anh K tại thành phố Hà Nội được khoảng 3 đến 4 tháng, sau đó chị Ng có về quê ở với bố để chị Ng tại địa chỉ trên. Trước khi chị Ng lấy anh K, chị Ng đã có chồng và có một con với chồng cũ. Địa phương cũng không rõ hiện chị Ng đang sinh sống ở đâu, thỉnh thoảng địa phương có thấy chị Ng về nhà. Nay anh K làm đơn xin ly hôn chị Ng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tại công văn số 15725/QLXVC-P5 ngày 28/7/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp: Nguyễn Thị Ngân, sinh năm 1977,

CMND số 122018346, không có thông tin xuất nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Ng vắng mặt không có lý do.

- Ngày 31/8/2022, Tòa án đã hoãn phiên tòa vì bị đơn là chị Ng vắng mặt lần thứ nhất không có lý do.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Ng tiếp tục vắng mặt không có lý do.

- + Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trung K và xử cho anh Trần Trung K được ly hôn chị Nguyễn Thị Ng. Về nuôi con chung: Không giải quyết. Về án phí: Anh Trần Trung K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại gia đình và địa phương, hiện tại chị Ngân đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, hiện chị Ng đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Tòa án có Quyết định cung cấp chứng cứ yêu cầu gia đình chị Ng cung cấp địa chỉ của chị Ng nhưng gia đình chị Ng không cung cấp được địa chỉ của chị Ng. Tòa án có văn bản xác minh thông tin của chị Ng và được Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp không có thông tin xuất nhập cảnh của chị Ng. Chị Ng đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương và không thông báo địa chỉ cho anh K và gia đình biết là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã giao toàn bộ giấy tờ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Gia đình chị Ng đã thông báo nội dung các văn bản Tòa án cho chị Ng được biết. Như vậy xác định chị Ng đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử vắng mặt chị Ng là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trung K và chị Nguyễn Thị Ng, kết hôn ngày 24/5/2013 tại UBND phường Th, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà

Nội, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường Th, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa anh K và chị Ng là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng anh K và chị Ng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 3 đến 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị Ng không có việc làm ổn định, kinh tế khó khăn, sau khi chị Ng sinh con được một tháng chị Ng về sinh sống tại tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, thỉnh thoảng anh K có về thăm chị Ng và con, đến năm 2017, chị Ng và con đi đâu không thông báo địa chỉ cho anh K, anh K cũng đã tìm kiếm nhưng gia đình chị Ng và chị Ng giấu địa chỉ của chị Ng. Anh K cũng đã chờ đợi, nhưng đến nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn với chị Ng. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng chị Ng không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy xác định chị Ng không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh K và chị Ng có một con chung là cháu Trần Hà Ph, sinh ngày 01/7/2013, lúc đầu anh K yêu cầu giao cháu Ph cho chị Ng nuôi dưỡng, nhưng sau anh K thay đổi yêu cầu đề nghị Tòa án không giải quyết về con chung thì thấy: Qua xác minh tại địa phương và bản thân anh Kiên đều trình bày, hiện tại cháu Ph đang sinh sống cùng với chị Ng, anh K không có tin tức gì của cháu Ph và chị Ng. Nay anh K không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp với Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh K xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trung K được ly hôn chị Nguyễn Thị Ng.

2.2. Về án phí: Anh Trần Trung K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số 0009590 ngày 30/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng,
- CCTHA dân sự huyện Yên Dũng,
- UBND *phường Th, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội,*
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Ngô Thị Thanh Hảo